

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT H
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DS-ST

Ngày: 25/7/2023

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng đặt cọc*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT H
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH H**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức H.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn H và bà Hoàng Thị H.

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh H ghi biên bản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh H - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2022/TLST - DS ngày 01/12/2022; về việc *tranh chấp về hợp đồng đặt cọc*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST-DS ngày 02/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2023 giữa:

H đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn 5, xã Nghĩa Hòa, huyện H, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1994; *Địa chỉ:* Số 627 Hùng Vương, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh H; Theo văn bản ủy quyền ngày 14/12/2022; tại Văn phòng công chứng Mai Phụng; *Địa chỉ:* 27 Lê Lợi, thị trấn Phú Hòa, huyện H, tỉnh H; có mặt.

Bị đơn: Bà Rơ Châm H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Làng Mrông Yô 1, xã Ia Ka, huyện H, tỉnh H; vắng mặt.

Người Phiên dịch: Bà Rơ Châm Hg - Cán bộ Trường dân tộc nội trú huyện H, tỉnh H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nhận ngày 28/11/2022, bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ngày 19/9/2022, bà Nguyễn Thị H và bà Rơ Châm H có thỏa thuận mua, bán đất với nhau. Theo đó, bà H sẽ chuyển nhượng cho bà H thửa đất số 801, tờ bản đồ số 10, địa chỉ thửa đất: Làng Mrông Yố 1, xã Ia Ka, huyện Chư Păh, tỉnh H do bà H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 912373. Để đảm bảo việc chuyển nhượng đất, bà H đã đặt cọc cho bà H số tiền đặt cọc là 77.000.000đồng. Hai bên đã ký hợp đồng đặt cọc ngày 19/9/2022, thời gian đặt cọc là hai tháng kể từ ngày 19/9/2022 đến ngày 21/11/2022 thì bà H phải thực hiện việc chuyển nhượng thửa đất trên cho bà H. Nhưng hết hạn 2 tháng bà H không thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà H. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu bà Rơ Châm H phải trả lại cho bà H số tiền đặt cọc và bồi thường do vi phạm hợp đồng đặt cọc gấp 2 lần. Tổng số tiền bà H phải trả cho bà H là 154.000.000đồng.

Hiện bà H đang giữ một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 912373, do UBND huyện H tỉnh H cấp ngày 12/11/2018 của bà De để đảm bảo cho việc giao nhận tiền.

Về án phí: yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Rơ Châm H trình bày:

Ngày 21/05/2022, tôi có vay tiền của bà Nguyễn Thị H ở thôn 5, xã Nghĩa Hòa, H là 50.000.000đồng; lãi suất hai bên thỏa thuận miệng với nhau là 3.000đồng/ngày/1.000.000đồng; khi nhận tiền tôi thực nhận 45.500.000đồng, còn 4.500.000đồng bàH trừ vào tiền lãi tháng đầu; do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên tôi không có tiền trả bàH, đến ngày 19/9/2022 bàH viết hợp đồng đặt cọc mua, bán nhà đất theo mẫu có sẵn và nói với tôi là ký, sau đó sẽ trả cho tôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 912373 do UBND huyện H cấp ngày 12/11/2018 để tôi đi vay tiền trả cho bàH, nhưng bàH chưa trả tôi GCNQSDĐ; chữ ký và dấu vân tay trong giấy đặt cọc mà bàH cung cấp cho Tòa án là của tôi. Khi tôi ký, điểm chỉ có sự chứng kiến của chị Rơ Châm H cùng ký tên và điểm chỉ, bàH đã cộng cả tiền lãi và tiền tôi cắt bán 02 tấn cà phê tươi, tổng cộng số tiền tôi nợ là 77.000.000đồng. Bà H khởi kiện yêu cầu tôi phải trả lại cho bà H số tiền đặt cọc và bồi thường do vi phạm hợp đồng đặt cọc gấp 2 lần. Tổng cộng là 154.000.000đồng tôi không đồng ý; vì tôi chỉ vay của bàH là 50.000.000đồng không phải là tiền đặt cọc mua, bán đất như bàH khởi kiện. Tôi chỉ thừa nhận nợ bàH 50.000.000đồng và tiền tôi cắt bán 02 tấn cà phê tươi, tổng cộng tôi nợ là 77.000.000đồng, tôi xin tiền lãi và chỉ trả tiền gốc 77.000.000đồng từ nay cho đến tháng 01/2028 trả xong.

Yêu cầu Tòa án buộc bàH trả lại tôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 912373 do UBND huyện H cấp ngày 12/11/2018.

Về án phí:tôi đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh H phát biểu quan điểm về tố tụng:

Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; 97; 191; 195; 196; 220; 227 và điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ , từ khâu thụ lý , thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận và hòa giải, các bước tổng đạt quy trình tố tụng đã thực hiện đúng theo

quy định, đúng thẩm quyền giải quyết, thời gian giải quyết vụ án đảm bảo, giải quyết theo yêu cầu nội dung khởi kiện; Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ trình tự các bước của phiên tòa dân sự sơ thẩm.

Về nội dung chấp nhận yêu cầu của h đơn; vì bị đơn có ký nhận điểm chỉ đồng đặt cọc 77.000.000đồng, thỏa thuận 02 tháng thì bà H phải giao QSDĐ cho bà H, nếu bà H không thực hiện thì phải bồi thường gấp 2 lần số tiền đặt cọc, như vậy bà H đã thỏa thuận cam kết nhưng không thực hiện hợp đồng.

Đối với việc bà H khai chỉ vay bà H 50.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận 3.000đ/ngày/1.000.000đồng; thực nhận tiền về là 45.500.000đồng, đã trả lãi tháng đầu là 4.500.000đồng; nhưng bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh nội dung lời khai của bà; bà H trả bà H tiền gốc nhưng bà H không đồng ý.

Căn cứ các Điều 278; Điều 328 Bộ luật dân sự 2015; chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H **buộc** bà Rơ Châm H phải trả cho bà H số tiền 154.000.000đồng; trong đó tiền đặt cọc 77.000.000đồng, tiền phạt cọc là 77.000.000đồng.

Buộc bà H phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 912373 do UBND huyện H cấp ngày 12/11/2018 cho bà H.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, **buộc** bà Rơ Châm H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; bà Nguyễn Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã điều tra xác minh, thu thập chứng cứ và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau, nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất bị đơn vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa; mở phiên tòa lần thứ hai bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không có yêu cầu phản tố, không có đơn xin xét xử vắng mặt, không có người đại diện tham gia phiên tòa thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Vụ án kiện tranh chấp hợp đồng đặt cọc về việc mua bán nhà đất theo đơn khởi kiện của h đơn, giao dịch hợp đồng và tài sản đặt cọc tranh chấp tại huyện H, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh H. H đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền cọc 77.000.000đồng và tiền phạt cọc 77.000.000đồng. Bị đơn không đồng ý yêu cầu của h đơn.

[3] Theo hợp đồng h đơn đã đặt cọc số tiền 77.000.000đồng cho bị đơn; để nhận sang nhượng thửa đất số 801, tờ bản đồ số 10 có diện tích là 720,5m²; Vị trí tại Làng Mrông Yố 1, xã Ia Ka, huyện H, tỉnh H; đúng như hợp đồng ký kết ngày 19/9/2022, về thông tin trong nội dung hợp đồng số tiền nhận cọc, đồng thời cam kết bên sang nhượng (bị đơn) nếu sau này đổi ý thì đền gấp hai.

Xét Hợp đồng đặt cọc của các đương sự là để cam kết cho việc giao kết hợp đồng, nhằm bảo đảm các thủ tục về pháp lý tiếp theo để chuyển nhượng quyền sử dụng đất, khi hai bên cam kết tại phần 2 Điều 3 về Mục đích đặt cọc; thì bên đặt và bên nhận cọc đều hiểu biết rõ các quy định của pháp luật để hướng đến thỏa thuận chuyển nhượng; nhưng quá trình thực hiện bên nhận đặt cọc không hiểu, chưa biết rõ được mục đích cũng như nội dung chuyển nhượng hoặc phụ lục của hợp đồng không thể hiện cam kết có sự chứng kiến hoặc công chứng chứng thực của các cơ quan có thẩm quyền hay không để thực hiện các bước tiếp theo của hợp đồng, khi bên nhận cọc cho rằng chỉ là tiền vay và tiền cất bán 02 tấn cà phê tươi; còn bên đặt cọc cho rằng đó là tiền cọc. Vì vậy Hội đồng xét xử cần phải phân tích khách quan trung thực, thật chi tiết về hình thức và nội dung, tính khách quan, tính chủ quan khi giao dịch hợp đồng; nhằm đánh giá lỗi của các bên.

H đơn hợp đồng đặt cọc, mục đích nhận sang nhượng thửa đất số 801, tờ bản đồ số 10 có diện tích là 720,5m²; vị trí tại Làng Mrông Yố 1, xã Ia Ka, huyện H, tỉnh H; Nhưng thực tế thửa đất số 801, tờ bản đồ số 10 có diện tích là 720,5m²; lại có vị trí tại Làng Mrông Yố 2, xã Ia Ka, huyện H, tỉnh H; Như vậy đây là hai địa chỉ khác nhau về địa giới hành chính theo nội dung hợp đồng và yêu cầu khởi kiện của h đơn.

Bên đặt cọc biết bà H là người dân tộc thiểu số không hiểu biết thành thạo tiếng phổ thông - không biết chữ, nhận thức về pháp luật còn hạn chế, nhưng bên đặt cọc không chủ động cùng bên nhận cọc thực hiện các thủ tục cần thiết khi đến các cơ sở công chứng chứng thực hoặc cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các bước tiếp theo của hợp đồng đặt cọc hoặc có thỏa thuận khác.

Theo hợp đồng đặt cọc tài sản ngày 19/9/2022, thì thời hạn hai bên thỏa thuận là 02 tháng, nhưng chính bên đặt cọc đã nhận giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 912373 (gốc) và Căn cước công dân của bên nhận cọc cùng ngày 19/9/2022; nhưng quá trình giải quyết và tại phiên tòa bên đặt cọc chỉ khai là đã điện thoại cho bên nhận cọc để cùng hoàn tất hồ sơ chuyển nhượng, mà không có bất cứ tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho nội dung khai báo là có căn cứ.

Bên nhận cọc khai nhận có ký và điểm chỉ giấy tờ gì đó do bên đặt cọc chuẩn bị trước; bên nhận cọc thừa nhận có vay số tiền 50.000.000đồng (đã trả lãi suất tháng đầu) và tiền cất bán 2 tấn cà phê tươi giá trị là 27.000.000đồng; Tổng cộng là 77.000.000đồng. Bên nhận cọc cho rằng đây là tiền vay chứ không phải tiền đặt cọc như bên đặt cọc khai báo và căn cứ theo nội dung khai của người làm chứng, bên nhận cọc cho rằng hợp đồng đặt cọc nhằm che dấu hợp đồng vay tài sản.

Đối người làm chứng (bà H) có ký xác nhận trong hợp đồng; bà H xác định đó là nội dung vay 50.000.000đồng và tiền cắt bán 02 tấn cà phê tươi giá trị là 27.000.000đồng; Tổng cộng là 77.000.000đồng; chứ không phải tiền đặt cọc.

Về giá trị tài sản khi phạt cọc trên cơ sở pháp lý cần được hiểu là bên nhận đặt cọc vi phạm cam kết, không thực hiện hợp đồng đã xác lập thì ngoài việc phải trả lại tài sản đã nhận cọc cho bên đặt cọc, còn bị phạt một khoản tiền tương đương với giá trị tài sản đặt cọc được quy định tại khoản 2 Điều 328 BLDS. Đồng thời các bên có thể thỏa thuận phạt cọc, nhưng về cơ bản không được phạt quá 50% giá trị tài sản mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng đặt cọc; Nhưng **tại hợp đồng thì giá trị lô đất cần đặt cọc hai bên thỏa thuận là 200.000.000đồng**, nội dung hợp đồng bên đặt cọc xác nhận, nếu không thực hiện đúng cam kết thì sẽ phạt gấp 3 lần (231.000.000đồng). Tức là số tiền đặt cọc và phạt cọc nếu vi phạm sẽ lớn hơn giá trị của lô đất cần sang nhượng, sau đó bên đặt cọc tự sửa chữa gấp 2 lần là 154.000.000đồng.

Tại hợp đồng đặt cọc ghi ngày 19/9/2022, có sửa chữa về nội dung gấp 3 lần và sửa lại (gấp 2 lần) số tiền 231.000.000đồng và sửa lại (154.000.000đồng); Do bên đặt cọc và bên nhận cọc không tranh chấp về số lần và giá trị tiền phạt cọc; hơn nữa bên nhận cọc không biết chữ, còn bên đặt cọc thừa nhận đã viết chuẩn bị nội dung trước để bên nhận cọc ký điểm chỉ; do vậy Hội đồng xét xử không yêu cầu giám định chữ ký chữ viết và thời gian của mực sửa chữa so với thời gian mực viết khi giao dịch mà chỉ nhận định để có cơ sở đánh giá lỗi đối với các bên.

Từ những phân tích trên; Hội đồng xét xử xét lỗi tranh chấp về hợp đồng đặt cọc phần lớn lỗi của bên đặt cọc: Do xác định vị trí lô đất không đúng, quản lý cầm giữ giấy tờ liên quan đến mục đích đặt cọc, đánh giá giá trị thực tài sản đặt cọc không phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội, không liên tục thực hiện các bước tiếp theo để đạt được mục đích của hợp đồng như đã nhận định trên; sửa chữa hợp đồng không có xác nhận của bên nhận cọc và người làm chứng; như vậy yêu cầu tranh chấp về hợp đồng đặt cọc của bà H là thiếu căn cứ, nhưng không bác đơn của bên đặt cọc; lý do bên nhận cọc thừa nhận có vay tài sản, nhưng không có đơn yêu cầu phản tố về quan hệ này; Vì vậy Hội đồng không xem xét về quan hệ pháp luật vay tài sản của bên nhận cọc; trên cơ sở đánh giá hợp đồng của bên nhận cọc và bên đặt cọc không thống nhất về mục đích cũng như nội dung hợp đồng thể hiện không khách quan về quyền nghĩa vụ của các bên khi giao dịch, nhằm che dấu một giao dịch dân sự khác thì giao dịch dân sự giả tạo vô hiệu, còn giao dịch dân sự khác bị che dấu vẫn có hiệu lực, cũng phù hợp với nội dung khai báo của bên nhận cọc và người làm chứng; như vậy việc giao kết hợp đồng có sự vi phạm, dẫn đến tình trạng pháp lý của phần đất cần chuyển nhượng sẽ không thực hiện được sẽ làm cho hợp đồng bị vô hiệu thì không phạt cọc; Nên việc giải quyết tranh chấp về vi phạm hợp đồng để xử lý hợp đồng vô hiệu được thực hiện theo thủ tục chung đúng quy định của Bộ luật dân sự.

[4] Xét hợp đồng đặt cọc về việc mua bán nhà đất ngày 19/9/2022 giữa bà H và bà H là vô hiệu, nên phải Hủy Hợp đồng đặt cọc về việc mua bán nhà đất lập ngày 19/9/2022; chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H để buộc bà H phải trả số tiền đặt cọc 77.000.000đồng.

[5] Trong nội dung hợp đồng bà Rơ Châm H là người làm chứng; quá trình giải quyết bà H thừa nhận chữ ký điểm chỉ đúng không có mâu thuẫn; bà H khai cũng không có mâu thuẫn nội dung đã khai, đã xác nhận làm chứng khi Tòa án giải quyết; vì vậy không triệu tập bà Rơ Châm H tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng tại phiên tòa.

[6] Đối với bà H khai có vay 50.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận 3.000đ/ngày/1.000.000đồng; thực nhận tiền về là 45.500.000đồng, đã trả lãi tháng đầu là 4.500.000đồng; nhưng bà H không đưa ra được bất kỳ tài liệu chứng cứ gì để bảo vệ nội dung lời khai là có căn cứ; nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu trên, để trừ số tiền bà H trả bà H.

[7] Bà H yêu cầu Tòa án buộc bà H trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 912373 do UBND huyện H cấp ngày 12/11/2018 cho bà H là có căn cứ.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm:

+ H đơn không được chấp nhận số tiền yêu cầu phạt cọc 77.000.000đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.850.000đồng.

+ Bị đơn phải chịu tiền án phí của số tiền nhận cọc 77.000.000đồng là 3.850.000đồng.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cho rằng bên nhận cọc đã ký điểm chỉ và thỏa thuận 02 tháng thì bà H phải giao QSDĐ cho bà H; Nhưng tại hồ sơ vụ án thì H đơn khi khởi kiện là bên cung cấp tài liệu chứng cứ (GCNQSDĐ và CCCD và các tài liệu chứng cứ khác) quá trình Tòa án giải quyết, cũng như công khai chứng cứ và tại phiên tòa, bên H đơn (bà H, cũng như người đại diện theo ủy quyền) đều thừa nhận hiện tại vẫn đang giữ **Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 912373 (bản gốc) của bà H** giao nhận cùng ngày đặt cọc 19/9/2022 để đảm bảo cho việc giao nhận tiền; như vậy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là chưa sát với tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa; nên Hội Đồng xét xử chỉ chấp nhận đề xuất về nội dung đòi tiền cọc; Không đồng ý đề xuất phạt cọc của Đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 2, 3, 9, 14 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 233; điểm c khoản 1 Điều 147 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 122; khoản 1 Điều 124; khoản 1 Điều 126; Điều **131**; Điều **134**; **khoản 1 Điều 328**; **Điều 407**; **Điều 468 của** Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ điểm b khoản 01 Điều 24; khoản 01, 04 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đòi tiền cọc của bà Nguyễn Thị H đối với bà Rơ Châm H.

Buộc: bà Rơ Châm H phải trả lại bà Nguyễn Thị H số tiền đặt cọc là 77.000.000đồng (*bảy mươi bảy triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng người phải thi hành án (bên có nghĩa vụ) chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, được quy định theo điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H đối với bà Rơ Châm H; về nội dung yêu cầu phạt tiền cọc.

Hủy Hợp đồng đặt cọc về việc mua bán nhà đất lập ngày 19/9/2022 giữa bà Nguyễn Thị H và bà Rơ Châm H đối với thửa đất số 801 tờ bản đồ số 10 có diện tích là 720,5m². Vị trí thửa đất thuộc làng Mrông Yố 1, xã Ia Ka, huyện H, tỉnh H do vô hiệu.

Về án phí: **Buộc** bà Nguyễn Thị H phải chịu 3.850.000đồng (ba triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được khấu trừ số tiền 1.900.000đồng (một triệu chín trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí trước theo biên lai thu số 0007338 ngày 01/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh H; bà Nguyễn Thị H còn phải nộp 1.950.000đồng (một triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Rơ Châm H phải chịu 3.850.000đồng (ba triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày th án (25/7/2023) các đương sự có quyền kháng cáo bản án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh H xét xử Phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND.H H;
- Chi cục THADS.H H;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Đức H